TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK** Số: 31/2026/HS-ST Ngày 15/7/2026	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Phan Xuân Ngọc - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng– Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 –Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2026/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN TRẦN S**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 29 tháng 11 năm 1969. Nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk.

Căn cước công dân số: 066069000085 do Cục CSQLHC về TTXH, Bộ Công an cấp ngày 13/4/2021.

Nơi cư trú thôn: P7, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Con ông Nguyễn U, sinh năm 1947 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1948 (đã chết). Gia đình bị cáo có 06 anh chị, em, bị cáo là con thứ 02. Vợ là Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1974, có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/8/2001, Nguyễn Trần S bị Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Đình Bịnh (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, theo bản án hình sự sơ thẩm số 18/2001/HSST, bị cáo Sang đã chấp hành

xong hình phạt tù và đóng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đương nhiên được xoá án tích.

Bị cáo Nguyễn Trần S đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2025 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1995 (Chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Hồ Xuân T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P14, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người làm chứng:

-Ông Lê Tấn T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

-Ông Mai Anh T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

-Ông Phan Văn H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn 4, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29/7/2025, Hồ Xuân T (sinh năm 1991, cư trú tại thôn P14, xã K, tỉnh Đắk Lắk) gọi điện thoại thuê Nguyễn Thanh B (sinh năm 1995, cư trú tại thôn 3, xã K) đến kho sầu riêng A tại tổ dân phố 14, thị trấn P(nay là thôn P14, xã K) để lắp bảng hiệu thì B đồng ý. B gọi thêm Mai Anh T, sinh năm 1994; Lê Tấn T, sinh năm 2000 và Phan Văn H, sinh năm 1999 để cùng làm. Do phải lắp bảng hiệu trên mái tôn trước kho và bảng hiệu quá nặng không thể đưa lên bằng tay nên B gọi điện thoại nói Tuấn thuê xe cẩu. Hồ Xuân T biết Nguyễn Trần S có xe cẩu và thường xuyên đi cẩu thuê nên gọi điện thoại nói Nguyễn Trần S đến cẩu nâng bảng hiệu. Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, Sang điều khiển hệ thống cẩu của xe ô tô biển số 47C-235.75 để nâng bảng hiệu khung bằng kim loại có kích thước (10 x 3)m đưa lên mái tôn trước kho sầu riêng A. Lúc này B, T đứng trên mái tôn còn H, T1 đứng dưới nền bê tông; Khi Sang vận hành hệ thống cẩu nâng bảng hiệu lên thì bảng hiệu va chạm với dây điện trung thế. Hậu quả, Nguyễn Thanh B bị điện giật ngã từ trên mái tôn xuống nền bê tông trước kho chết tại chỗ.

Hiện trường là sân trước kho sầu riêng A thuộc thôn P14, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Hướng Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn H, hướng Tây giáp cửa hàng xe máy D, hướng

Nam giáp nhà ông Trần Văn H và hướng Bắc giáp đường Quốc lộ 26. Chọn cột mốc Km122 nằm phần đất bên trái đường theo hướng phường B đi xã E làm mốc chuẩn; chọn mép đường bên phải theo hướng phường Buôn Ma Thuột đi xã E làm mép đường chuẩn. Kho sầu riêng có cấu trúc khung sắt, vách tôn, mái tôn, nền xi măng. Sân có kích thước (22,3 x 12,7)m, mái che lợp tôn có kích thước (22,3 x 5,5)m điểm thấp nhất của mái che cách mặt đất 6,2m. Đo từ dây điện trung thế gần nhất tới mái tôn theo phương ngang là 1,6m, đến mép ngoài mái tôn là 3,2m, chiều cao của dây dẫn điện đến mái tôn là 3,07m và đo từ dây điện trung thế trong cùng đến mặt nền là 9,03m; trên bề mặt dây điện có vết đứt dây kim loại kích thước (15 x 2,5)cm.

Bản kết luận giám định tử thi số 10/KLGĐTT-PY01 ngày 15/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận nguyên nhân chết của Nguyễn Thanh B: Ngưng hô hấp, tuần hoàn do tiếp xúc trực tiếp với dòng điện kỹ thuật/Chấn thương sọ não nặng.

Bản kết luận giám định số 974/KL-KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Khi bảng hiệu quảng cáo có dòng chữ "VỰA SẦU RIÊNG A" kết nối với dòng điện thì bảng hiệu này có thể dẫn điện (bút lục số 31).

Công văn số 6340/ĐLPC-AT+KT+TTBVPC ngày 12/11/2025 của Công ty Điện lực Đắk Lắk xác định: Kho sầu riêng A xây dựng trên đất ở của ông Tuấn hiện không vi phạm hành lang an toàn lưới điện.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSDLK-KV ngày 16/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk truy tố Nguyễn Trần S về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đối với mình là đúng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần S phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần S từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Trần S.

Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng từ 05-10% của bị cáo Nguyễn Trần S để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Trần S cho Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

-Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã tự thoả thuận giải quyết xong về việc bồi thường dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận và Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Trần S 01 xe ô tô tải có cần cẩu, biển số 47C-235.75; Trả lại cho ông Hồ Xuân T 01 bảng hiệu có khung bằng kim loại gắn vải bạt kích thước (10m x 3m).

-Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trần S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị hại, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về tử thi và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Trần S là tài xế xe cẩu, sáng ngày 29/7/2025, Hồ Xuân T gọi điện thoại thuê Nguyễn Thanh B đến lắp bảng hiệu tại kho sầu riêng thì B đồng ý. Do bảng hiệu nặng và phải cố định trên mái tôn trước kho nên B gọi điện thoại nói Tuấn thuê xe cẩu nâng bảng

hiệu lên. Hồ Xuân T gọi điện thoại thuê Nguyễn Trần S, đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, Sang vận hành hệ thống cẩu xe ô tô biển số 47C-235.75 nâng bảng hiệu khung bằng kim loại có kích thước (10 x 3)m lên mái tôn trước kho sầu riêng A thì bảng hiệu va chạm với dây điện. Hậu quả, Nguyễn Thanh B bị điện giật ngã từ trên mái tôn xuống nền bê tông trước kho chết tại chỗ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định về an toàn lao động, xâm phạm công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động nơi công cộng, gây thiệt hại tính mạng của công dân, gây hoang mang lo lắng cho người lao động và quần chúng nhân dân tại nơi công cộng. Nguyễn Trần S thực hiện việc cẩu bảng hiệu có kích thước (10 x 3)m lên mái tôn kho sầu riêng có độ cao so với mặt đất 6,2 mét và cách đường dây điện trung thế 03 mét, là công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động nhưng bị cáo chưa được đào tạo hay tập huấn để vận hành hệ thống cần cẩu của xe trước khi thực hiện công việc này; những người tham gia không có ai trang bị bảo hộ lao động theo quy định, hậu quả anh Nguyễn Thanh B bị điện giật và bị ngã từ trên độ cao 6,2 mét xuống đất gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Hành vi trên của Nguyễn Trần S đã vi phạm quy định tại điểm a, Mục 2.1.1.3 và Mục 2.4.1.1 Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 ban hành QCVN 18:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng, biện pháp an toàn điện khi máy, thiết bị thi công di chuyển hoạt động trong phạm vi gần đường dây dẫn điện (việc bảo đảm an toàn điện phải thực hiện theo quy định QCVN 01:2020/BCT và các quy định kỹ thuật khác có liên quan), khoản 3 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động, hậu quả làm chết 01 người.

Điểm d Mục 2.1.1.5 quy định: Máy, thiết bị thi công phải thỏa mãn các quy định sau: Được sử dụng, điều khiển hoặc vận hành bởi người lao động đã được đào tạo, huấn luyện về đúng loại máy, thiết bị thi công được giao sử dụng, điều khiển và vận hành.

Khoản 3 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động quy định: Trách nhiệm của người lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc: Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Nguyễn Trần S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý gây ra hậu quả làm chết 01 người. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động" theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành

khẩn khai nhận tội; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong về trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại; Người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt cho bị cáo. Người bị hại là anh Nguyễn Thanh B có một phần lỗi là không trang bị bảo hộ lao động là chưa tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 và khoản 1 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc lỗi vô ý, vì vậy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, có thể áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với việc khấu trừ thu nhập đối với người được áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ: Xét thấy, bị cáo là có việc làm ổn định, có thu nhập hàng tháng từ khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, không phải nuôi dưỡng người phụ thuộc, vì vậy cần khấu trừ thu nhập hàng tháng để nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo với mức là 10% là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã tự thoả thuận giải quyết xong về việc bồi thường dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe ô tô tải có cần cẩu, biển số 47C-235.75 của bị cáo Nguyễn Trần S, thu giữ của ông Hồ Xuân T 01 bảng hiệu có khung bằng kim loại gắn vải bạt kích thước (10m x 3m). Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 295, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trần S phạm tội *"*Vi phạm quy định về an toàn lao động*"*.

1.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **NGUYỄN TRẦN S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Trần S S.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Trần S để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Trần S cho Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2.Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã tự thoả thuận giải quyết xong về việc bồi thường dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị hại không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

3.Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần S 01 xe ô tô tải có cần cẩu, biển số 47C-235.75; Trả lại cho ông Hồ Xuân T 01 bảng hiệu có khung bằng kim loại gắn vải bạt kích thước (10m x 3m).

4.Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trần S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan

đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H'Năm Bkrông